ECOVIS®
AFA VIETNAM

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
ECOVIS AFA VIETNAM AUDITING – APPRAISAL AND CONSULTING CO., LTD
142 Xo Viet Nghe Tinh St., Hoa Cuong Ward, Danang City, Vietnam
Tel: +84 236 363 3333 I Fax: +84 236 363 3338 I Email: info@ecovis.com.vn



BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 10/2026

ECOVIS AFA VIETNAM

A: 142 Xô Viết Nghệ Tĩnh, TP. Đà Nẵng
T: +84 (0) 236 – 3633-333
F: +84 (0) 236 – 3633-338
E: info@ecovis.com.vn

I. VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

1. Nghị định số 283/2026/NĐ-CP ngày 15/7/2026 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Theo khoản 2 Điều 33 Nghị định số 283/2026/NĐ-CP quy định phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với mỗi người lao động bị vi phạm, nhưng tổng mức phạt tối đa không quá 75.000.000 đồng, đối với người sử dụng lao động có hành vi không tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động.

Tuy nhiên, cần lưu ý mức phạt từ 1 triệu đồng đến 3 triệu đồng nêu trên là mức phạt áp dụng đối với cá nhân. Theo khoản 1 Điều 7 Nghị định 283/2026/NĐ-CP, mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân đối với các hành vi thuộc trường hợp áp dụng mức phạt đối với cá nhân.

Do đó, nếu doanh nghiệp (là tổ chức) không tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động thì mức phạt được áp dụng như sau:

- Từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với mỗi người lao động bị vi phạm;
- Tổng mức phạt tối đa không quá 150.000.000 đồng.

Không chỉ bị phạt tiền, doanh nghiệp vi phạm còn phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 11 Điều 33 Nghị định 283/2026/NĐ-CP. Cụ thể, doanh nghiệp phải buộc tổ chức khám sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo quy định. Trường hợp người lao động đã tự thực hiện việc khám thì doanh nghiệp phải thanh toán chi phí khám sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động.

Nghị định số 283/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 10/9/2026.

2. Nghị định số 393/2026/ND-CP ngày 20/10/2026 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

Nghị định này quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo các điều, khoản sau đây của Bộ luật Lao động: Điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động, giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo Điều 157 của Bộ luật Lao động và người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo các khoản 1, 2 và 9 Điều 154 của Bộ luật Lao động.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05/12/2026, thay thế cho Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/08/2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.



ECOVIS AFA VIETNAM

A: 142 Xô Viết Nghệ Tĩnh, TP. Đà Nẵng
T: +84 (0) 236 – 3633-333
F: +84 (0) 236 – 3633-338
E: info@ecovis.com.vn

3. Quyết định số 2892/QĐ-BTC ngày 12/10/2026 của Bộ Tài chính công bố 2 chuẩn mực kế toán công Việt Nam đợt 4

Quyết định này phê duyệt 2 chuẩn mực kế toán công Việt Nam đợt 4 nêu tại các phụ lục kèm theo bao gồm:

3.1. Chuẩn mực kế toán công Việt Nam số 36 "Các khoản đầu tư vào đơn vị liên kết và liên doanh" (Phụ lục I)

Chuẩn mực kế toán công Việt Nam (VPSAS) số 36 *"Các khoản đầu tư vào đơn vị liên kết và liên doanh"* được soạn thảo dựa trên Chuẩn mực kế toán công quốc tế (IPSAS) số 36 "Các khoản đầu tư vào đơn vị liên kết và liên doanh" và các quy định hiện hành về cơ chế tài chính, ngân sách của Việt Nam. Chuẩn mực kế toán công Việt Nam số 36 quy định những nội dung phù hợp với các quy định pháp lý của Việt Nam hiện hành và các quy định dự kiến có thể được sửa đổi, bổ sung trong thời gian tới. Chuẩn mực kế toán công Việt Nam số 36 không quy định những nội dung của chuẩn mực kế toán công quốc tế số 36 không phù hợp với cơ chế tài chính, ngân sách trong dài hạn, việc bổ sung quy định sẽ được thực hiện căn cứ tình hình thực tế theo từng giai đoạn phù hợp.

Chuẩn mực kế toán công quốc tế số 36 được làm căn cứ là bản lưu hành năm 2015, được sửa đổi để phù hợp với các chuẩn mực kế toán công quốc tế khác đến ngày 31/01/2025, do Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Công Quốc tế (IPSASB) ban hành.

Mục đích của chuẩn mực này nhằm quy định về kế toán đối với các khoản đầu tư vào đơn vị liên kết và liên doanh và đưa ra các yêu cầu đối với việc áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi kế toán các khoản đầu tư vào đơn vị liên kết và liên doanh.

3.2. Chuẩn mực kế toán công Việt Nam số 37 "Thỏa thuận chung" (Phụ lục II).

Chuẩn mực kế toán công Việt Nam (VPSAS) số 37 *"Thỏa thuận chung"* được soạn thảo dựa trên Chuẩn mực kế toán công quốc tế (IPSAS) số 37 "Thỏa thuận chung". Chuẩn mực kế toán công Việt Nam số 37 quy định những nội dung phù hợp với các quy định pháp lý của Việt Nam hiện hành và các quy định dự kiến có thể được sửa đổi, bổ sung trong thời gian tới. Chuẩn mực kế toán công Việt Nam số 37 không quy định những nội dung của chuẩn mực kế toán công quốc tế số 37 không phù hợp với cơ chế tài chính, ngân sách trong dài hạn, việc bổ sung quy định sẽ được thực hiện căn cứ tình hình thực tế theo từng giai đoạn phù hợp.

Chuẩn mực kế toán công quốc tế số 37 được làm căn cứ là bản lưu hành năm 2015, được sửa đổi để phù hợp với các chuẩn mực kế toán công quốc tế khác đến ngày 31/01/2025, do Hội đồng chuẩn mực kế toán công quốc tế (IPSASB) ban hành.

Mục đích của chuẩn mực này nhằm quy định những nguyên tắc báo cáo tài chính đối với các đơn vị có lợi ích trong các thỏa thuận đồng kiểm soát (tức là các thỏa thuận chung).

Để đạt được mục đích trên, Chuẩn mực này định nghĩa đồng kiểm soát và yêu cầu một đơn vị là một bên tham gia vào một thỏa thuận chung phải xác định loại thỏa thuận chung mà mình tham gia vào bằng cách đánh giá những quyền và nghĩa vụ của mình và hạch toán những quyền và nghĩa vụ đó theo cách thức phù hợp với loại thỏa thuận chung đó.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

ECOVIS AFA VIETNAM

A: 142 Xô Viết Nghệ Tĩnh, TP. Đà Nẵng
T: +84 (0) 236 – 3633-333
F: +84 (0) 236 – 3633-338
E: info@ecovis.com.vn

4. Thông tư số 151/2026/TT-BTC ngày 09/10/2026 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý

Thông tư này quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý (sau đây gọi là tài sản kết cấu hạ tầng) là tài sản cố định quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

Thông tư này không điều chỉnh đối với:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng đang được cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng theo chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao đối với các tài sản này được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Xác định tuổi thọ tài sản kết cấu hạ tầng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng.

d) Xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng làm giá khởi điểm để thực hiện khai thác tài sản theo các phương thức quy định tại Điều 16 và Điều 42 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP hoặc khi xử lý tài sản theo hình thức bán.

đ) Tài sản kết cấu hạ tầng không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định tại Điều 4 Thông tư này. Việc theo dõi tài sản không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định được thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/11/2026.



ECOVIS AFA VIETNAM

A: 142 Xô Viết Nghệ Tĩnh, TP. Đà Nẵng
T: +84 (0) 236 – 3633-333
F: +84 (0) 236 – 3633-338
E: info@ecovis.com.vn

II. CÔNG VĂN MỚI ĐÁNG LƯU Ý

1. Công văn số 7888/CT-QLNT ngày 21/10/2026 của Cục Thuế về chính sách thuế giá trị gia tăng

Về nguyên tắc người nộp thuế đối chiếu hàng hóa, dịch vụ mà người nộp thuế sản xuất, kinh doanh với các nhóm hàng hóa, dịch vụ loại trừ không được giảm thuế tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 174/2025/NĐ-CP và **Danh mục hàng hóa, dịch vụ không được giảm thuế** tại Phụ lục I, II ban hành kèm theo Nghị định số 174/2025/NĐ-CP để thực hiện theo quy định.

Tại công văn số 3043/CTK-CSCL ngày 13/10/2026 của Cục Thống kê gửi Cục Thuế có nêu: Căn cứ Quyết định số 32/2026/QĐ-TTg ngày 29/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam, sản phẩm mũi khoan xoay cầu được xếp vào mã 259303: Dụng cụ cầm tay.

Đối chiếu với danh mục hàng hóa, dịch vụ không được giảm thuế tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 174/2025/NĐ-CP, mã sản phẩm 259303 không thuộc danh mục loại trừ này, do đó thuộc đối tượng được giảm thuế giá trị gia tăng.

Đề nghị Thuế tỉnh căn cứ quy định trên và thực tế sản phẩm hàng hóa bán ra của Công ty để hướng dẫn Công ty thực hiện theo quy định.

2. Công văn số 7839/CT-QLNT ngày 20/10/2026 của Cục Thuế về chính sách thuế GTGT

Doanh nghiệp chế xuất được hưởng chính sách thuế đối với khu phi thuế quan kể từ thời điểm mục tiêu đầu tư thành lập doanh nghiệp chế xuất được ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc Giấy xác nhận đăng ký doanh nghiệp chế xuất của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền.

Trường hợp doanh nghiệp chế xuất đang trong giai đoạn đầu tư nhưng chấm dứt hoạt động dự án đầu tư, chưa được xác nhận đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất thì **không được hưởng chính sách thuế đối với khu phi thuế quan**. Quan hệ mua, bán hàng hóa, dịch vụ giữa doanh nghiệp với các nhà cung cấp trong nội địa khác được xác định theo quan hệ mua bán giữa các doanh nghiệp trong nội địa Việt Nam, nhà cung cấp trong nội địa thực hiện điều chỉnh, thay thế hóa đơn điện tử đã lập trước đây theo quy định tại Thông tư số 91/2026/TT-BTC.

Theo ý kiến của Cục Hải quan tại công văn số 22811/CHQ-NVTHQ ngày 09/10/2026 gửi Cục Thuế thì tra cứu trên hệ thống dữ liệu hải quan điện tử, Công ty chưa đăng ký tài khoản khai hải quan điện tử trên hệ thống VNACCS/VCIS, chưa phát sinh hoạt động xuất nhập khẩu.

ECOVIS®
AFA VIETNAM

A: 142 Xô Viết Nghệ Tĩnh, TP. Đà Nẵng
T: +84 (0) 236 – 3633-333
F: +84 (0) 236 – 3633-338
E: info@ecovis.com.vn

3. Công văn số 7813/CT-QLNT ngày 16/10/2026 của Cục Thuế về chính sách thuế và hóa đơn

Về việc lập hóa đơn

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ Công ty cung cấp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Thuế giá trị gia tăng thì tại nội dung "thuế suất" trên hóa đơn thể hiện "KTPVDC".

Về việc khai trên Tờ khai Thuế GTGT mẫu số 01/GTGT

Tại Tờ khai 01/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC thì "*Hàng hóa, dịch vụ bán ra không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật thuế giá trị gia tăng*" được kê khai tại chỉ tiêu [34a].

Việc khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 23 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.

4. Công văn số 7634/CT-QLNT ngày 14/10/2026 của Cục Thuế về chính sách thuế GTGT và hóa đơn

Trường hợp Công ty cung cấp cho doanh nghiệp Việt Nam dịch vụ hỗ trợ vận tải quốc tế như làm hàng, hải quan, bốc xếp, nâng hạ, đóng gói, các dịch vụ này không thực hiện tại Việt Nam, **không sử dụng cho sản xuất kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam** thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Thuế giá trị gia tăng.

Về nguyên tắc, tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ phải lập hóa đơn giao cho người mua. Do đó, đối với hoạt động cung cấp dịch vụ mà dịch vụ được thực hiện (diễn ra) ở nước ngoài thì Công ty lập hóa đơn giao cho người mua theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 254/2026/NĐ-CP.

5. Công văn số 7552/CT-QLNT ngày 12/10/2026 của Cục Thuế về thuế GTGT và hóa đơn

Doanh nghiệp chế xuất được hưởng ưu đãi đầu tư và chính sách thuế đối với khu phi thuế quan kể từ thời điểm mục tiêu đầu tư thành lập doanh nghiệp chế xuất được ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc Giấy xác nhận đăng ký doanh nghiệp chế xuất của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền. Sau khi hoàn thành quá trình xây dựng, doanh nghiệp chế xuất phải được cơ quan hải quan có thẩm quyền xác nhận việc đáp ứng các điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trước khi chính thức đi vào hoạt động. Trường hợp doanh nghiệp chế xuất không được xác nhận đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan thì không được hưởng chính sách thuế áp dụng đối với khu phi thuế quan.

Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là doanh nghiệp chế xuất, trong quá trình đầu tư xây dựng đã thực hiện **chuyển đổi mục tiêu dự án** từ doanh nghiệp chế xuất sang doanh nghiệp không hoạt động theo mục tiêu của doanh nghiệp chế xuất thì nhà cung cấp và doanh nghiệp thực hiện **điều chỉnh, thay thế hóa đơn điện tử đã lập trước đây** theo quy định tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP, từ ngày 01/7/2026 thực hiện theo quy định tại Thông tư số 91/2026/TT-BTC.



A: 142 Xô Viết Nghệ Tĩnh, TP. Đà Nẵng
T: +84 (0) 236 – 3633-333
F: +84 (0) 236 – 3633-338
E: info@ecovis.com.vn

6. Công văn số 16148/BTC-DNTN ngày 12/10/2026 của Bộ Tài chính về việc đẩy nhanh tiến độ xử lý thủ tục giải thể doanh nghiệp

Để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký giải thể, Bộ Tài chính đề nghị Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh phối hợp Cơ quan thuế kịp thời rà soát, đẩy nhanh tiến độ và rút ngắn thời hạn xử lý thủ tục đăng ký giải thể doanh nghiệp, cụ thể như sau:

6.1. Trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký giải thể

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 64, khoản 2 Điều 65 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP, Điều 13 Nghị định số 296/2026/NĐ-CP, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện như sau:

- Xử lý hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp và gửi thông tin về việc doanh nghiệp đăng ký giải thể cho cơ quan thuế trong thời hạn **01 ngày làm việc** kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

- Trường hợp nhận được ý kiến của Cơ quan thuế về việc doanh nghiệp đã hoàn thành nghĩa vụ thuế trong thời hạn quy định, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng "Đã giải thể" trong thời hạn **01 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được ý kiến.

- Trường hợp không nhận được ý kiến của Cơ quan thuế trong thời hạn **02 ngày làm việc** kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông tin, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng "Đã giải thể" trong thời hạn **01 ngày làm việc** kể từ ngày kết thúc thời hạn Cơ quan thuế có ý kiến theo quy định nêu trên.

6.2. Trường hợp doanh nghiệp không nộp hồ sơ đăng ký giải thể

Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 64 và khoản 3 Điều 65 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP, sau thời hạn 180 ngày kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nhận được nghị quyết, quyết định giải thể của doanh nghiệp hoặc kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, trường hợp không nhận được hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và ý kiến phản đối bằng văn bản của Cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan khác, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp sang tình trạng "Đã giải thể", tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng "Đã chấm dứt hoạt động" trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên.

6.3. Về việc phối hợp tiếp nhận, xử lý hồ sơ giải thể doanh nghiệp

Trường hợp phát sinh sự cố kỹ thuật hoặc giao dịch chưa được truyền/nhận kịp thời thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh và Cơ quan thuế chủ động phối hợp và trao đổi thông tin bằng phương thức phù hợp, bảo đảm Cơ quan thuế thực hiện phản hồi trong thời hạn **02 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được thông tin và Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh xử lý hồ sơ trong thời hạn theo quy định.

ECOVIS AFA VIETNAM

A: 142 Xô Viết Nghệ Tĩnh, TP. Đà Nẵng
T: +84 (0) 236 – 3633-333
F: +84 (0) 236 – 3633-338
E: info@ecovis.com.vn

7. Công văn số 7643/CT-QLNT ngày 14/10/2026 của Cục Thuế về tiền thuê đất

Về nguyên tắc trường hợp nhà đầu tư ứng trước tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Luật đất đai năm 2003 đang còn trong thời hạn thuê đất nhưng chưa được khấu trừ hoặc chưa khấu trừ hết vào số tiền thuê đất phải nộp hàng năm và chưa được tính vào chi phí (vốn) đầu tư của dự án theo quy định của pháp luật từng thời kỳ thì việc **khấu trừ số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng** vào tiền thuê đất phải nộp được thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 51 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ, khoản 2 Điều 8 Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính.

Đề nghị Thuế tỉnh căn cứ quy định của pháp luật tiền thuê đất từng thời kỳ về xử lý chuyển tiếp trong trường hợp nhà đầu tư ứng trước tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật đất đai năm 2003, phối hợp với cơ quan nông nghiệp và môi trường, cơ quan tài chính và các cơ quan khác có liên quan rà soát hồ sơ thực tế để xử lý đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp cần thiết thì Thuế tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc tính, thu tiền thuê đất của Công ty theo quy định của pháp luật.



8. Công văn số 7479/CT-QLNT ngày 08/10/2026 của Cục Thuế về chính sách thuế và hóa đơn

Về nguyên tắc cơ quan thi hành án bán tài sản bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự có trách nhiệm **khai thuế thay, nộp thay thuế** cho tổ chức, cá nhân có tài sản. Số thuế GTGT phải khấu trừ, nộp thay được xác định theo phương pháp tính thuế phù hợp với loại hóa đơn điện tử từng lần phát sinh đề nghị cấp theo quy định của pháp luật về hóa đơn điện tử.

Trường hợp cơ quan thi hành án là tổ chức không kinh doanh nhưng có phát sinh giao dịch bán tài sản thuộc đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật thuế GTGT, thuế TNDN và các loại thuế khác (nếu có) thì thuộc đối tượng **được cấp hóa đơn** bán hàng để giao cho người mua.

Trường hợp cơ quan thi hành án không thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có bán đấu giá tài sản (trừ trường hợp bán tài sản công nêu tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 254/2026/NĐ-CP), trường hợp giá trúng đấu giá là giá bán đã có thuế GTGT được công bố rõ trong hồ sơ bán đấu giá do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì thuộc đối tượng được cấp hóa đơn GTGT để giao cho người mua.

9. Công văn số 7391/CT-QLNT ngày 06/10/2026 của Cục Thuế về thời điểm lập hóa đơn

Thời điểm lập hóa đơn đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt hiện hành được kế thừa và thống nhất với quy định về **thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng** đối với xây dựng, lắp đặt theo pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

A: 142 Xô Viết Nghệ Tĩnh, TP. Đà Nẵng
T: +84 (0) 236 – 3633-333
F: +84 (0) 236 – 3633-338
E: info@ecovis.com.vn

10. Công văn số 7403/CT-TMĐT ngày 06/10/2026 của Cục thuế hướng dẫn nghĩa vụ thuế đối với cá nhân cung cấp sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số và tiếp thị liên kết trong thương mại điện tử

10.1. Về xác định nghĩa vụ thuế đối với thu nhập từ hoạt động tiếp thị liên kết, sáng tạo nội dung số

Trường hợp cá nhân nhận thu nhập theo hợp đồng lao động hoặc thoả ước lao động tập thể ký với tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập theo pháp luật về lao động, thì khoản thu nhập này được xác định là thu nhập từ tiền lương, tiền công. Tổ chức, cá nhân khi trả thu nhập thực hiện khấu trừ, kê khai, nộp thuế TNCN theo quy định.

Trường hợp cá nhân thực hiện hoạt động sáng tạo nội dung số, quảng bá sản phẩm, tiếp thị liên kết trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số và nhận thu nhập từ nền tảng hoặc nhãn hàng từ hoạt động kinh doanh, không phải là tiền lương, khoản thu nhập này được xác định là thu nhập từ kinh doanh. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện đăng ký thuế, kê khai và nộp thuế theo quy định tại Nghị định số 68/2026/NĐ-CP và Nghị định số 141/2026/NĐ-CP.

Về thuế suất thuế TNCN: theo quy định tại khoản 14 Điều 3 của Luật Thương mại điện tử số 122/2025/QH15, dịch vụ tiếp thị liên kết trong thương mại điện tử là việc quảng cáo hàng hóa, dịch vụ thông qua đường dẫn truy cập, mã giới thiệu hoặc phương thức tương tự được liên kết với nền tảng thương mại điện tử. Do đó hoạt động tiếp thị liên kết trên nền tảng thương mại điện tử áp dụng thuế suất dành cho hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số, với thuế suất thuế thu nhập cá nhân là 5% theo điểm đ Khoản 3 Điều 7 Luật Thuế Thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15.

10.2. Về trách nhiệm khấu trừ, khai thay và nộp thay của chủ quản nền tảng

Căn cứ Điều 43 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, trường hợp TikTok Shop là chủ quản nền tảng thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán thì có trách nhiệm thực hiện khấu trừ, khai thay và nộp thay số thuế đã khấu trừ đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh kinh doanh trên nền tảng của TikTok Shop.

10.3. Về chứng từ cho khoản chi trả cho dịch vụ tiếp thị liên kết khi xác định chi phí được trừ của doanh nghiệp

Các khoản chi phí của doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 9 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 và khoản 1 Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP.

Về chứng từ: trường hợp doanh nghiệp sử dụng dịch vụ tiếp thị liên kết trong thương mại điện tử do hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh cung cấp thì:

Hộ, cá nhân kinh doanh có doanh thu vượt mức 1 tỷ đồng/năm phải đăng ký sử dụng hóa đơn, doanh nghiệp sử dụng hóa đơn do hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phát hành làm chứng từ trong hồ sơ ghi nhận chi phí tính thuế TNDN.

Trường hợp doanh nghiệp mua hàng hóa, dịch vụ của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu dưới ngưỡng doanh thu chịu thuế GTGT thì phải có chứng từ chi trả tiền theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ cho người bán (đối với trường hợp giá trị mua hàng hóa, dịch vụ trong ngày của từng hộ, cá nhân từ 05 triệu đồng trở lên phải thanh toán không dùng tiền mặt) và Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của doanh nghiệp ký và chịu trách nhiệm theo quy định tại khoản 1b Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP làm chứng từ trong hồ sơ ghi nhận chi phí tính thuế TNDN.

A: 142 Xô Viết Nghệ Tĩnh, TP. Đà Nẵng
T: +84 (0) 236 – 3633-333
F: +84 (0) 236 – 3633-338
E: info@ecovis.com.vn

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ được cung cấp thông qua nền tảng thương mại điện tử thì tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ có quyền yêu cầu chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số cung cấp thông tin người mua, thông tin liên quan đến giao dịch, thời điểm giao hàng và xác nhận trạng thái hoàn tất đơn hàng trên hệ thống để người bán lập hóa đơn điện tử theo quy định đối với trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ qua nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số theo quy định tại khoản 1c Điều 17 Nghị định số 254/2026/NĐ-CP. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số có trách nhiệm cung cấp thông tin người mua, thông tin liên quan đến giao dịch, thời điểm giao hàng và xác nhận trạng thái hoàn tất đơn hàng trên hệ thống để người bán lập hóa đơn điện tử theo quy định đối với trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ qua nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số theo khoản 2 Điều 19 Nghị định số 254/2026/NĐ-CP.

11. Công văn số 7478/CT-QLNT ngày 08/10/2026 của Cục thuế về nội dung của hóa đơn

11.1. Về nội dung hóa đơn của ô tô, xe máy

Trường hợp hàng hóa phải đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu thì trên hóa đơn phải thể hiện **các số hiệu, ký hiệu đặc trưng của hàng hóa** mà khi đăng ký pháp luật có yêu cầu.

Trường hợp người bán ô tô, xe máy để người mua đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu mà trên hóa đơn điện tử do người bán lập có đủ thông tin Họ và tên người mua; số định danh cá nhân hoặc mã số thuế (đối với tổ chức); nhãn hiệu, loại xe, năm sản xuất; số khung, số máy; số Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (đối với xe nhập khẩu) hoặc số Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước), thì hệ thống cơ quan thuế sẽ xác định và thông báo số tiền lệ phí trước bạ phải nộp cho người nộp thuế mà người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai lệ phí trước bạ theo quy định tại khoản 10 Điều 11 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP.

Trường hợp người bán ô tô, xe máy bán cho người mua để **tiếp tục kinh doanh**, không phải để đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu (người mua là nhà phân phối, đại lý hoặc tổ chức, cá nhân mua để tiếp tục kinh doanh) thì trên hóa đơn không bắt buộc phải thể hiện các số hiệu, ký hiệu đặc trưng của ô tô, xe máy.

11.2. Về mẫu hóa đơn

Tại khoản 5 Điều 4 Thông tư số 91/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định cụ thể mẫu hiển thị các loại hóa đơn điện tử để tham khảo trong quá trình thực hiện mà không phải mẫu bắt buộc. Người bán được sử dụng mẫu hóa đơn điện tử phù hợp với hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng phải đảm bảo các nội dung bắt buộc theo quy định tại Điều 10 và Phụ lục Nội dung của hóa đơn kèm theo Nghị định số 254/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

12. Công văn số 7401/CT-QLNT ngày 06/10/2026 của Cục thuế về thời điểm kết thúc giảm trừ gia cảnh

Việc xác định người phụ thuộc được giảm trừ gia cảnh đối với người nộp thuế có con đang học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp hoặc học nghề thì cần có **đủ các hồ sơ chứng minh** mối quan hệ và chứng minh việc đang học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trung học phổ thông hoặc học nghề.

Tại Mẫu Giấy ủy quyền đăng ký thuế số 41/UQ-ĐKT tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính có mục khai "Thời điểm kết thúc tính giảm trừ (tháng/năm)" đối với người phụ thuộc. Nguyên tắc tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc là được tính đủ theo tháng. Do đó, trường hợp người nộp thuế có con tốt nghiệp đại học được cấp bằng ngày14/8/2026 thì thời điểm kết thúc tính giảm trừ khai theo Mẫu số 41/UQ-ĐKT là tháng 09/2026.

ECOVIS®
AFA VIETNAM

Liên hệ

Bản tin này được ECOVIS AFA VIETNAM cập nhật từ các văn bản pháp quy do các cơ quan nhà nước ban hành trên các phương tiện thông tin đại chúng và cho mục đích tham khảo, không được xem như ý kiến tư vấn pháp luật cụ thể. Mặc dù đã cố gắng cung cấp thông tin một cách chính xác và cụ thể nhất, việc áp dụng các thông tin này vào các trường hợp cụ thể có thể không hoàn toàn phù hợp. Để biết thêm thông tin hoặc cần chúng tôi hỗ trợ, vui lòng liên hệ với các chuyên gia của chúng tôi.



Nguyễn Hải Nam
P. Chủ tịch HĐTV / Tổng Giám đốc
0916 020 113
nam.nguyen@ecovis.com.vn



Nguyễn Trọng Hiếu
Chủ tịch HĐTV
0914 015 678
hieu.nguyen@ecovis.com.vn



Nguyễn Trung Dũng
Phó Tổng Giám đốc
0917 705 379
dung.nguyen@ecovis.com.vn



Phạm Quang Trung
Phó Chủ tịch thường trực HĐTV
0935 58 3456
trung.pham@ecovis.com.vn



Lê Huy Đông
Giám đốc Tư vấn - Đào tạo
0944 322 988
dong.le@ecovis.com.vn



Nguyễn Thị Hiền Giang
Trưởng phòng Tư vấn – Đào tạo
0933 224 968
giang.nguyen@ecovis.com.vn

